BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

ĐẶNG VĂN BÌNH

TÊN CHÍNH DANH CỦA NGƯỜI MNÔNG

Chuyên ngành: Ngôn ngữ Việt Nam

Mã số : 62.22.01.02

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

HÀ NỘI - 2017

CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Ng□ời h□ớng dẫn khoa học: **1. PGS.TS Đoàn Văn Phúc**

2. PGS.TS Nguyễn Thị Lương

Phản biện 1: **GS.TS Nguyễn Văn Khang**

Viện Ngôn ngữ học

Phản biện 2: **GS.TS Nguyễn Thiện Giáp**

Trường Đại học KHXH&NV - ĐHQG Hà Nội

Phản biện 3: **GS.TS. Đỗ Việt Hùng**

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp: Trường

họp tại: Tr□ờng Đại học s□ phạm Hà Nội

Vào hồi.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm .....

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện trường Đại học Sư phạm Hà Nội

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. Đặng Văn Bình (2013), *Bước đầu tìm hiểu câu phủ định trong lời nói vần của dân tộc Mnông,* Ngôn ngữ và văn học, Kỷ yếu Hội thảo ngôn ngữ học toàn quốc 2013.
2. Đặng Văn Bình (2017), *Đặc điểm tên người trong tiếng Mnông,* Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống 2017.
3. Đặng Văn Bình (2017), *Đặc điểm tên họ và tên đệm trong tên chính danh người Mnông,* Tạp chí Ngôn ngữ 2017.

MỞ ĐẦU

1.TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Tây Nguyên là nơi cư trú lâu đời hàng ngàn năm của nhiều dân tộc bản địa như Ba-na, Xơ-đăng, Mnông, Cơ-ho, Gia-rai, Ê-đê,… với nền văn hóa đa dạng và phong phú. Bởi thế, Tây Nguyên đã và đang là đối tượng thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu từ các góc độ khác nhau, như: sử học, dân tộc học, văn hóa học, ngôn ngữ học, tâm lí học,…

Người Mnông sống tập trung tại hai tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông là một trong những dân tộc bản địa như vậy. Đã có không ít công trình nghiên cứu về người Mnông từ các góc độ khác nhau. Song cho đến nay, vấn đề tên chính danh của người Mnông từ bình diện cấu trúc, ngữ nghĩa, văn hóa và định danh chưa được nghiên cứu một cách thấu đáo và đầy đủ, nhất là trong các văn bản pháp quy.

Thực tế hiện nay, việc ghi tên chính danh của người Mnông là hết sức đa dạng, phức tạp và có nhiều bất cập, không theo một quy chuẩn nào về ngôn ngữ, chữ viết. Do điều kiện lịch sử và quá trình phát triển văn hóa tộc người mà hiện nay đại đa số người Mnông ở hai tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông - hai địa phương có đông người Mnông nhất trong cả nước lại ghi tên Đệm, tên Cá nhân và tên Họ không nhất quán trong các hồ sơ, văn bản, giấy tờ có giá trị pháp lý. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ tới công tác quản lý nhà nước về công tác dân tộc. Nhu cầu thống nhất cách viết tên chính danh người Mnông hiện nay là một đòi hỏi của thực tế khách quan.

Vì vậy chúng tôi đã chọn *"Tên chính danh của người Mnông"* làm đề tài cho luận án của mình.

2. MỤC ĐÍCH VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ TÀI

2.1. Mục đích của đề tài

Luận án nghiên cứu đặc điểm tên chính danh của người Mnông từ các phương diện: cấu tạo; cơ sở đặt tên và ý nghĩa; đặc điểm văn hóa của tộc người này qua việc sử dụng tên chính danh trong giao tiếp để góp phần chuẩn hóa tên chính danh của họ trong các văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời góp phần giúp cơ quan quản lý Nhà nước làm tốt công tác dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở Việt Nam ngày càng vững chắc.

2.2.Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

Để đạt được mục đích trên, đề tài giải quyết 4 nhiệm vụ sau:

- Thứ nhất, tổng quan tình hình nghiên cứu về tên chính danh của người - trên thế giới và Việt Nam liên quan đến nội dung nghiên cứu tên chính danh người Mnông;

- Thứ hai, chỉ ra đặc điểm về cấu tạo của các yếu tố tham gia vào việc tạo nên tổ hợp định danh tên chính danh người Mnông.

- Thứ ba, chỉ ra cơ sở đặt tên và đặc điểm về ý nghĩa của các yếu tố tham gia vào việc tạo nên tổ hợp định danh tên chính danh người Mnông.

- Thứ tư, chỉ ra đặc điểm về sự biến đổi và cách sử dụng tên chính danh của người Mnông và kiến nghị cách viết tên chính danh người Mnông trong tiếng Việt.

3. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Trong tiếng Mnông, tên riêng người Mnông làm thành một tiểu hệ thống riêng biệt bao gồm nhiều hình thức biểu hiện khác nhau của tên người như: tên tục, tên chính, tên hiệu, tên thánh, tên thường gọi,... Luận án chọn *tên chính danh của người Mnông làm đối tượng nghiên cứu*.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

3.2.1. Phạm vi nội dung

Tên chính danh của người Mnông thường có ba thành phần: tên Đệm, tên Cá nhân, tên Họ. Luận án sẽ nghiên cứu các thành phần đó ở các phương diện: cấu tạo; cơ sở đặt tên, ý nghĩa và cơ sở định danh cũng như sử dụng chúng trong giao tiếp và biến đổi của chúng.

3.2.2. Phạm vi tư liệu thống kê, khảo sát

Tên chính danh người Mnông được nghiên cứu dựa trên: các nguồn tư liệu chính sau đây:

- Tư liệu tên người Mnông ở hai tỉnh Đắk Nông và Đắk Lắk.

- Tư liệu của đề tài *Cơ sở khoa học cho việc đặt tên dòng họ Mnông*, Đề tài khoa học cấp tỉnh Đăk Nông (2007).

4. HƯỚNG TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

4.1. Hướng tiếp cận

Do đặc điểm của đề tài nên phương pháp tiếp cận của đề tài là:

- Vận dụng quan điểm duy vậy biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử trong cách tiếp cận, lí giải vấn đề nghĩa và đặc điểm văn hóa tên chính danh người Mnông.

- Tiếp cận trên quan điểm ngôn ngữ học cấu trúc-chức năng luận của trường phái Prague,

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án áp dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

a) Phương pháp nghiên cứu điền dã ngôn ngữ học.

b) Phương pháp miêu tả với các hệ thủ pháp luận giải bên trong và bên ngoài.

c) Các phương pháp, thao tác liên ngành ngôn ngữ-văn hóa học, ngôn ngữ-nhân chủng học, tổng hợp, phân tích, quy nạp, diễn dịch,…

5. CÁI MỚI CỦA LUẬN ÁN

Lần đầu tiên đề tài tổng kết, phân tích, lí giải các phương diện cấu tạo; cơ sở đặt tên và ý nghĩa; đặc điểm sử dụng, sự biến đổi của tên chính danh người Mnông và đề xuất cách viết tên chính danh này trong tiếng Việt ở các văn bản pháp quy nhà nước.

6. Ý NGHĨA CỦA ĐỀ TÀI

Việc nghiên cứu tên chính danh của người Mnông trên bình diện ngôn ngữ học sẽ có giá trị về mặt lý luận và mặt thực tiễn.

6.1. Ý nghĩa lí luận

Luận án chỉ ra tên gọi chính danh người Mnông là hình thức tên gọi cơ bản và chủ yếu trong hệ thống tên riêng chỉ người và sẽ góp phần vào lý luận về tên chính danh chỉ người thông qua đặc điểm tên chính danh người Mnông.

6.2.Ý nghĩa thực tiễn

Về thực tiễn, luận án giúp cho cư dân các nhóm địa phương người Mnông định hướng một cách có ý thức hơn trong việc đặt tên và gọi tên. Đồng thời luận án sẽ là những gợi ý về cách viết tên chính danh người Mnông trong các văn bản pháp lí.

7. KẾT CẤU CỦA LUẬN ÁN

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, Phụ lục, nội dung nghiên cứu gồm **4** chương chính:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý luận.

Chương 2: Cấu tạo tên chính danh của người Mnông.

Chương 3: Ý nghĩa và cơ sở đặt tên chính danh của người Mnông

Chương 4: Cách sử dụng tên chính danh người Mnông trong giao tiếp và sự biến đổi của chúng

Chương 1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÍ LUẬN

1.1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1.1. Tình hình nghiên cứu tên riêng chỉ người ở nước ngoài

Vấn đề nghiên cứu tên riêng đã được nhắc đến rất sớm trong các tác phẩm triết học thuộc nhiều trường phái (duy tâm, duy vật) khác nhau của các nhà bác học cổ đại như Socrates, Platon, Pythagore, Héraclite, Aristote (Aristoteles, Aristotle), Democrite, Georg Wilhelm Friedrich Hegel,... Chỉ đến khi một ngành khoa học chuyên nghiên cứu về tên riêng xuất hiện (môn tên riêng) thì nhiều vấn đề liên quan đến tên riêng mới ngày càng được làm sáng tỏ. Mặc dù vậy, cho đến nay còn nhiều lĩnh vực khác nhau trong môn tên riêng đang cần được bổ sung, hoàn thiện cả về phương diện lý luận lẫn thực tiễn trên cơ sở của việc giải quyết các vấn đề tên riêng trong từng tộc người, ngôn ngữ cụ thể. Vị trí của phân ngành này trong Danh xưng học được hình dung như sau:

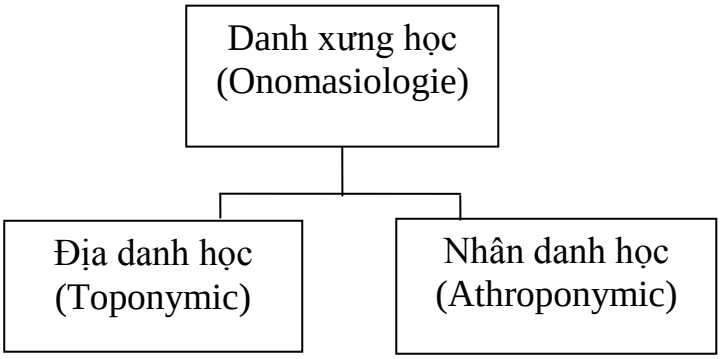

Về vấn đề lí thuyết tên riêng, nhiều nhà khoa học châu Âu, châu Mĩ đã có rất nhiều công trình, bài viết ngay từ thế kỉ XVII. Trong công trình *Nhân danh học Việt Nam* (2013), tác giả Lê Trung Hoa (đã dẫn theo Lebel, Paul, *Les noms de personnes en France*, Pari, PUF, 1968) đã điểm tình hình nghiên cứu về tên người trên thế giới.

Bên cạnh đó về sau còn có nhiều tác phẩm nghiên cứu về nhân danh như: Gardiner, A. (1954) với *The theory of proper name* (Lí thuyết về tên riêng), hay Searle, J. (1977) với *The problem of proper name* (Vấn đề tên riêng). Các tác giả này bàn đến vấn đề lí thuyết chung về tên riêng. Hoặc một số học giả Nga như Beletskij, A.A. (1972) với công trình *Từ vựng học và lí thuyết tên riêng,* còn Ufimtseva, A.A. (1977) lại bàn riêng về tên riêng từ vựng học và coi tên riêng chỉ người cũng là một đơn vị ngôn ngữ, một tín hiệu bao gồm hai mặt âm và nghĩa.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu tên riêng chỉ người ở Việt Nam

Ở Việt Nam, trước đây đã từng có một vài cuốn sách ghi chép nhân danh phục vụ cho công tác thống kê của chế độ phong kiến vào thời nhà Nguyễn. Đó là các cuốn sách, như: *Đại Việt lục triều đăng khoa lục* của Nguyễn Hoàn (1779) hay *Quốc triều đăng khoa lục* (1894) của Cao Xuân Dục,… Năm 1996, Phạm Tất Thắng lần đầu tiên nghiên cứu về vấn đề tên riêng chỉ người chính danh trong tiếng Việt trong luận án Phó tiến sĩ Ngữ Văn. Nhưng cho đến nay vẫn chưa có công trình nào (từ bình diện ngôn ngữ học) đề cập trực tiếp đến tên riêng chính danh của người Mnông.

Năm 2010 UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định số 01/2010/QĐ-UBND *Về việc ban hành quy định ghi tên họ dân tộc Mnông* trên cơ sở kết quả đề tài do K'Bốt

làm chủ nhiệm thực hiện (2005-2007). Những quy định có tính pháp lý này chỉ được áp dụng đối với tên gọi chính danh người Mnông ở tỉnh Đắk Nông.

1.1.3. Những nghiên cứu về tên riêng chỉ người và tên chính danh của người Mnông

Các công trình đầu tiên viết về người Mnông phải kể đến là những công trình của học giả Pháp như: *Les population Moi du Darlac* của Bernard, H. (1907), *Les régions Moi du Sud Indochinois - Le plateau du Darlac* (1909), và đặc biệt là cuốn *Les Jungles Moi* (1912) của Maitre, Henri. Trong công trình này tác giả cũng chỉ bàn về các nhóm Mnông mà chưa thể bàn về tên riêng chính danh của người Mnông.

Vừa mới đây, trong *Nghiên cứu xác định lại tên gọi một số dân tộc và nhóm địa phương* (đề tài cấp Bộ do PGS.TS Đoàn Văn Phúc làm chủ nhiệm, đã nghiệm thu 6/2017) đã bàn khá kĩ về vấn đề tên gọi dân tộc Mnông, trong đó có nhiều tư liệu về vấn đề liên quan tới tên gọi chính danh của người Mnông ở Đắk Lắk và Đắk Nông.

Nội dung nghiên cứu tên gọi người Mnông từ các bình diện nghiên cứu khác nhau ở những công trình, bài viết của các nhà khoa học mới chỉ tập trung vào:

- *Vấn đề thứ nhất: Lịch sử tên người Mnông*

Đây là lĩnh vực nghiên cứu có nhiều ý kiến khác nhau, thậm chí còn đối lập nhau về sự xuất hiện hai thành phần "tên họ" và "tên đệm" của người Mnông.

Trước hết, đối với "tên họ", có hai ý kiến (chủ quan) trái ngược nhau.

+ Không công nhận "tên họ" của người Mnông vì trên thực tế trải qua bao đời nay người Mnông không ghi "tên họ" của mình vào các văn bản giấy tờ.

+ Khẳng định sự tồn tại của "tên họ" người Mnông trong Quyết định số 01/2010/QĐ-UBND tỉnh Đắk Nông (2010). Một số ý kiến cho rằng có cả họ thuần Mnông tức là do người Mnông đặt ra để gọi tên, và tên họ không thuần Mnông.

- *Vấn đề thứ hai: Cấu tạo của tên riêng người Mnông?*

Về cấu tạo tên riêng của người Mnông. được cấu tạo với hai mô hình sau:

Mô hình thứ nhất: Tên riêng ở dạng không đầy đủ

Bảng 1.1 Tên riêng người Mnông ở dạng không đầy đủ

TÊN ĐỆM (Xác định giới tính) + TÊN CHÍNH như những ví dụ dưới đây:

Tên đệm (1)	Tên chính/ tên cá nhân (2)
Điểu	Kâu
K'	Bảy
Y	Rơi
H'	Vai
Thị	Lina

Mô hình thứ hai: Tên riêng ở dạng đầy đủ

Bảng 1.2: Tên riêng người Mnông ở dạng đầy đủ

TÊN ĐỆM (xác định giới tính) + TÊN CHÍNH + TÊN HỌ như ví dụ sau:

Tên đệm (1)	Tên cá nhân (2)	Họ (3)
Y	Thịnh	Hlŏng
H'	Thuỷ	Bon Jốc Ju

- *Vấn đề thứ ba: Chính tả - cách viết hoa tên người Mnông*

Việc viết hoa tên riêng của người Mnông được viết như tên riêng người Việt như "Bản dự thảo quy tắc viết hoa" do Viện Ngôn ngữ học đề xuất (1972). Cách viết này

cũng được UBND tỉnh Đăk Nông áp dụng khi ban hành Quyết định số 01/2010/QĐ-UBND về việc ghi tên họ dân tộc Mnông.

- *Vấn đề thứ tư: Lý do đặt tên*

Cũng như các dân tộc khác trên thế giới, xuất phát từ trong ý nghĩa thực tiễn, do nhu cầu giao tiếp hằng ngày nên việc đặt tên và gọi tên người mang ý nghĩa xã hội sâu sắc. Chính điều này cho phép người ta nghĩ đến ý nghĩa của tên gọi chỉ người.

- *Vấn đề thứ năm: Sự biến động của tên người*

Về sự biến động của tên người Mnông có chăng chỉ mới được nhắc đến trong Quyết định số 01/2010/QĐ-UBND về việc ban hành quy định ghi tên họ dân tộc Mnông (cho đối tượng chưa ghi tên họ) ở tỉnh Đăk Nông.

Tóm lại, xét ở góc độ ngôn ngữ học, vấn đề nghiên cứu tên chính danh của người Mnông còn lẻ tẻ và chưa mang tính hệ thống.

1.2. CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.2.1. Tên riêng chỉ người và vấn đề định danh

1.2.1.1. Thuật ngữ, khái niệm và phân loại tên riêng chỉ người

(i) Thuật ngữ (về cách gọi các loại tên riêng chỉ người).

Từ khi thoát thai khỏi thế giới động vật, con người đã phải tự nhận thức cái thế giới xung quanh. Công việc đầu tiên của con người là phải phân biệt ta (chính mình) với không phải ta (người khác, sự vật khác). Qua hoạt động thực tiễn, con người đã tiến tới định danh sự vật, trong đó có tên người. Và ngôn ngữ vừa là kết quả của sự phản ánh thế giới khách quan, lại vừa là tiền đề cho sự nhận thức và phản ánh đó.

(ii) Khái niệm và phân loại tên riêng chỉ người

Khi nói tới hệ thống tên riêng chỉ người trong tiếng Mnông là nói tới loại đơn vị định danh có chức năng gọi tên một con người đơn nhất, cụ thể trong cộng đồng người Mnông. Khi nói tới tên riêng chỉ người, các nhà nghiên cứu thường nói tới các loại tên chỉ người khác nhau, như: tên chính danh (có người gọi là tên chính), tên tục, biệt danh, tên hiệu, bút danh, nghệ danh, chức danh,… Chẳng hạn, tên chính danh: Y Thịnh Bon Jốc Ju, Y Tuynh Bing, Y Soa Bruc, Điểu Bang Bu Răng,…

(iii) Thế nào là tên chính danh của người Mnông

Tên riêng chính danh hay tên chính danh là tên gọi của người Mnông được sử dụng ghi chép trong các giấy tờ tùy thân (chứng minh thư, thẻ căn cước,) văn bản mang tính pháp lý, kiểu như: giấy khai sinh, giấy kết hôn, giấy tờ sở hữu động sản và bất động sản, văn bằng, chứng chỉ,... Ví dụ: Y Sơn Ca Sa Nar, H'Thủy Hlõng,...

1.2.1.2. Đặc điểm của tên riêng chỉ người

(i) Chức năng của tên riêng chỉ người.

Tên riêng tuy là một đơn vị từ vựng nhưng không giống với từ, nghĩa là chúng được tạo ra không phải theo con đường cấu tạo từ mà theo một quy tắc kết hợp rất "riêng" để gọi tên cho một đối tượng là một người cá biệt và đơn nhất. Chẳng hạn, người ta có thể gọi tên một người nào đó bằng tên chính danh, tên tục, tên hiệu, bút danh, biệt danh, nghệ danh, chức danh,...

(ii) Nghĩa của tên riêng chỉ người

Về vấn đề nghĩa tên riêng chỉ người còn chưa thống nhất và có 2 loại ý kiến:

- *Thứ nhất*, tên riêng không có nghĩa hàm chỉ mà nó chỉ *"là vết phấn nhằm chỉ ra biểu vật"*.

- *Thứ hai*, tên riêng có nghĩa, nhưng đó là nghĩa hàm chỉ vì nó gợi ra những nội dung ngữ nghĩa - tu từ bổ sung.

Có thể thấy, về nghĩa và chức năng của tên riêng hiện còn đang là cả một vấn đề gây tranh luận trong giới ngôn ngữ học.

(iii) Cấu tạo của tên riêng chỉ người

Do tên riêng có những đặc điểm về chức năng và ngữ nghĩa như trên nên nó cũng có những điểm khác nhau về ngữ pháp, tức đặc điểm về kết học. Do chức năng của tên riêng là chỉ dẫn tới đối tượng đơn nhất, cho nên ở một ngôn ngữ biến hình, lệ như tiếng Anh, tên riêng chủ yếu ở số ít mà không dùng số nhiều, dù rằng có hình thức cấu tạo số nhiều của tên riêng, kiểu như: *the Great lakes* (các hồ lớn), *the blue Mountains* (các núi xanh).

1.2.2. Lí thuyết giao tiếp

1.2.2.1. Khái niệm về giao tiếp

Giao tiếp là hoạt động ngôn ngữ luôn luôn tồn tại trong bất kì xã hội nào. Giao tiếp là tiếp xúc và trao đổi tâm tư, tình cảm với nhau để duy trì các mối quan hệ trong xã hội. Hoạt động giao tiếp của con người có thể thực hiện bằng nhiều phương tiện khác nhau, nhưng phương tiện quan trọng nhất và chủ yếu nhất là ngôn ngữ. Trong các phạm vi giao tiếp khác nhau việc sử dụng ngôn ngữ cũng có sự thay đổi nhất định tùy thuộc vào các chủ thể giao tiếp và các đối tượng, phạm vi, môi trường, hoàn cảnh giao tiếp khác nhau.

1.2.2.2. ***Các nhân tố chi phối hoạt động giao tiếp***

Theo cách tiếp cận đối tượng giao tiếp, chúng ta có giao tiếp trực tiếp và giao tiếp gián tiếp. Giao tiếp trực tiếp có sự tham gia của các nhân vật giao tiếp. Theo phạm vi giao tiếp, có giao tiếp mang tính quy thức và giao tiếp phi quy thức. Nhân vật giao tiếp là những người tham gia vào cuộc giao tiếp. Trong hoạt động giao tiếp, mối quan hệ giữa những người tham gia giao tiếp, vị thế xã hội, tuổi tác cũng chi phối lớn tới các đơn vị ngôn ngữ được sử dụng.

1.2.2.3. Hướng vận dụng lí thuyết giao tiếp và nghiên cứu tên chính danh của người Mnông

Luận án này chỉ nghiên cứu một phần việc sử dụng tên chính danh của người Mnông trong một vài phạm vi giao tiếp quy thức: ở cơ quan, nhà thờ,... hoặc ở phạm vi giao tiếp phi quy thức: trong giao tiếp gia đình và một vài môi trường giao tiếp ngoài xã hội…

1.2.3. Đặc điểm ngôn ngữ và văn hóa Mnông

1.2.3.1. Đặc điểm tiếng Mnông

Tiếng Mnông là một ngôn ngữ thuộc tiểu nhóm ngôn ngữ Ba-na nam (Southen Bahnar languages), tiểu chi Ba-na (Bahnaric subbranch) thuộc chi Môn - Khơ-me (Mon-Khmer branch), ngữ hệ Nam Á (Austroasiatic family languages). Theo các nhà loại hình học, tuy là một ngôn ngữ thuộc loại hình đơn lập (izolating/ izolation/ izolate) song tiếng Mnông thuộc tiểu loại hình cổ. Theo cách nói của Nguyễn Quang Hồng (2012) thì đây là những ngôn ngữ cận âm tiết tính (quasi-syllabic).

(i) *Đặc điểm về ngữ âm*

Ở ngôn ngữ này, vỏ ngữ âm của từ thường có dạng cấu trúc song tiết hoặc đa tiết bao gồm: *1 - 2 tiền âm tiết (presyllabic) + âm tiết (main syllabic)*. Vì vậy, mô hình cấu trúc từ âm vị học của tiếng Mnông là: $\pm s_1 (C_1V_1) \pm s_2 (C_2V_2) + S (C_3 \pm C_4 \pm$

$C_5 \pm w_1 + V_3 \pm w_2\ C_6$), trong đó: s_1, s_2: tiền âm tiết; S: âm tiết; C: phụ âm; V: nguyên âm; w: bán nguyên âm (semi-vowel). Điều đáng lưu ý là: ở cuối từ trong các ngôn ngữ này còn có các phụ âm tắc/xát thanh hầu.

(ii) *Đặc điểm về từ vựng*

Trong vốn từ vựng tiếng Mnông, lớp từ Nam Á chiếm đa số. Bên cạnh đó thì vốn từ của các ngôn ngữ khác thuộc họ ngôn ngữ Nam Đảo (đặc biệt là vốn từ vựng các ngôn ngữ tiểu nhóm Chamic) cũng chiếm một số lượng không nhỏ do sự tiếp xúc lâu đời, nhất là vốn từ tiếng Ê-đê.

(iii) *Đặc điểm về ngữ pháp*

Do đặc điểm của ngôn ngữ đơn lập nên cấu trúc câu đơn thường thấy là: Chủ ngữ - Vị ngữ. Tuy nhiên, giữa các phương ngữ Mnông thì trật tự các thành phần phụ trong câu và việc sử dụng các đơn vị từ vựng ở các kiểu câu khác nhau có thể có những sự khác nhau nhất định do đặc điểm về giao tiếp ở các phạm vi khác nhau

1.2.3.2. Đặc điểm văn hóa Mnông

Đặc điểm nổi bật về văn hóa Mnông là tổ chức xã hội vẫn còn dấu vết của chế độ mẫu quyền trong hôn nhân. Về tôn giáo tín ngưỡng, trước đây người Mnông không theo tôn giáo nào mà họ chỉ có tín ngưỡng bản địa. Hiện khá đông người Mnông theo đạo: Tin Lành, Thiên chúa và Phật, thậm chí cả những tôn giáo khác. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ tới vấn đề đặt tên Cá nhân người Mnông.

1.3. TIỂU KẾT

Cấu trúc tên chính danh của mỗi dân tộc có những đặc điểm riêng theo phong tục, tập quán, truyền thống của mình. Song chưa có tác giả nào bàn một cách đầy đủ về tên chính danh của người Mnông. Việc nghiên cứu tên chính danh của người Mnông xuất phát từ nhu cầu thực tiễn cuộc sống, của nhu cầu quản lý xã hội và quản lý phát triển xã hội ở đất nước ta.

Chương 2
CẤU TẠO TÊN CHÍNH DANH CỦA NGƯỜI MNÔNG

2.1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Như đã nêu ở Chương 1, dựa vào chức năng gọi tên các sự vật, hiện tượng, quá trình,… trong thế giới hiện thực của các đơn vị ngôn ngữ, chúng tôi cho rằng tên chính danh người Mnông là một tổ hợp định danh dùng để gọi tên người. Chúng được cấu tạo dưới hình thức phức hợp gồm một nhóm hay tổ hợp các yếu tố định danh riêng biệt hoặc có giá trị định danh biệt lập. Chúng tôi gọi đó là một tổ hợp định danh.

2.2. CẤU TẠO CHUNG TÊN CHÍNH DANH CỦA NGƯỜI MNÔNG

2.2.1. Về khái niệm

Trong hệ thống từ vựng của tiếng Mnông, tên người cũng được xem là một đơn vị định danh. Nếu so với các đơn vị định danh khác trong hệ thống định danh, thì tên chính danh của người Mnông có hình thức gần giống với dạng "định danh tổ hợp từ" của Vũ Thế Thạch (1994) hay "đơn vị định danh đa thành tố" của Dương Kỳ Đức (1993).

2.2.2. Cấu tạo của tổ hợp định danh tên chính danh Mnông

Tổ hợp định danh tên chính danh của người Mnông được tạo từ ba đơn vị có cấu trúc và chức năng riêng. Đó là danh tố **Đệm**, danh tố **tên Cá nhân**, danh tố **Họ.** Trong tổ hợp định danh này, các danh tố kết hợp với nhau theo quan hệ đẳng lập trên

cùng một trục tuyến tính và theo trật đảo. Mỗi danh tố có thể bao gồm các thành tố cấu tạo nên chúng. Mối quan hệ giữa các danh tố, thành tố cấu tạo nên tổ hợp định danh tên chính danh của người Mnông có thể được hình dung theo sơ đồ dưới đây:

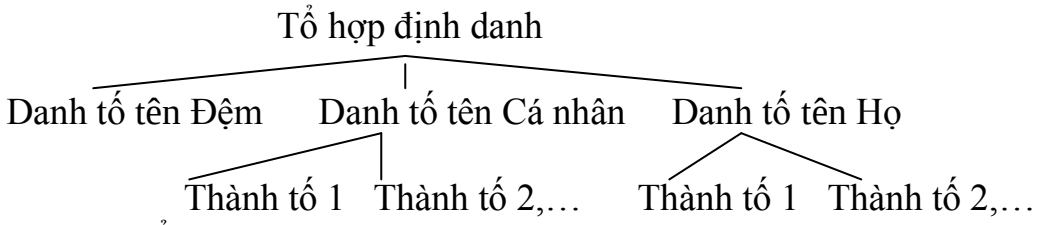

Mô hình tổng quát tên chính danh người Mnông sẽ là:

danh tố tên Đệm + danh tố tên Cá nhân + danh tố tên Họ

2.3. CẤU TẠO CỦA CÁC DANH TỐ TRONG TÊN CHÍNH DANH NGƯỜI MNÔNG

2.3.1. Cấu tạo của tên Đệm

Tên Đệm cũng là một đơn vị định danh dùng để gọi và chỉ tên Đệm một người. Về cấu tạo, tên Đệm của người Mnông chỉ có vỏ ngữ âm đơn tiết. Tên Đệm của người Mnông cũng có hình thức Đệm zero. Điều đó có nghĩa rằng, tên Đệm của người Mnông không bắt buột phải xuất hiện trong tên chính danh và gọi tên trong thời gian gần đây. Khác với tên Họ, tên Đệm của người Mnông tạo thành một tập hợp kín, số lượng được xác định rõ ràng. Sau đây là đặc điểm của từng loại:

Về tên đệm nam giới:

Tên Đệm của nam chỉ có: Y. K, Điểu, N, Kân. Ví dụ: Y Sơn Bon Jôc Ju, Điểu Xuân Hùng, Kân Khe Ri Du Bing, K'Beo Sa Nar, N'Trang Lơng,… Trong các tên Đệm dùng cho nam giới người Mnông thì tên đệm Y là phổ biến nhất. Trong số hơn 1.000 tên chính danh nam Mnông thì người có tên đệm Y chiếm tỷ lệ 53%, và các tên đệm khác, kể cả tên đệm zero (vắng mặt)chiếm và 47%. Dưới đây là thống kê số lượng tên Đệm trong các tên gọi của nam giới người Mnông.

Bảng 2.1. Các tên Đệm dùng cho nam giới người Mnông

STT	Tên Đệm	Đắk Lắk	Tỉ lệ (%)	Đắk Nông	Tỉ lệ (%)	Tổng	Tỉ lệ (%)
1	Y	301	52,9	286	53,1	587	53,0
2	Điểu	157	27,6	142	26,4	299	27,0
3	K'	43	7,6	55	10,2	98	8,8
4	N'	45	7,9	34	6,3	79	7,1
5	Kân	5	0,9	3	0,6	8	0,7
6	Vắng tên Đệm	18	3,1	19	3,5	37	3,4
Tổng cộng		569	100,00	539	100,00	1108	100,00

Về tên Đệm nữ giới:

Tên Đệm trong tên nữ ở tiếng Mnông chỉ có các tên: H, Thị, De, trong đó hình thức tên Đệm H là chủ yếu (80,9%), còn lại 19,1% là tên Đệm Thị, De (kể cả trong trường hợp tên Đệm zero). Ví dụ: H'Mhang Liêng Hót, Thị Kim Jun Bu Prâng, De Ma Nao Phêm Hlŏng,… Điều đó cho phép khẳng định rằng: tên Đệm H là hình thức

được sử dụng phổ biến nhất trong tên Đệm của nữ giới người Mnông. Dưới đây là kết quả thống kê các tên Đệm được sử dụng trong tên gọi của nữ giới.

Bảng 2.2. Các tên Đệm dùng cho nữ giới người Mnông

STT	Tên Đệm	Đắk Lắk	Tỉ lệ (%)	Đắk Nông	Tỉ lệ (%)	Tổng chung	Tỉ lệ (%)
1	H	411	95,3	311	67,5	722	80,9
2	Thị	8	1,9	137	29,7	145	16,2
3	De	3	0,7	5	1,1	8	0,9
4	Vắng tên Đệm	9	2,1	8	1,7	17	2,0
Tổng cộng		**431**	**100,00**	**461**	**100,00**	**892**	**100,00**

Nhiều trí thức, cư dân Mnông ở Đắk Lắk, Đắk Nông đều khẳng định các tên đệm Y (đối với nam) và H (đối với nữ) trong tên chính danh của người Mnông là do cách ghi chép của người Ê-đê khi họ làm việc cho Pháp, và ghi tên đệm theo cách của người Ê-đê. Đề tài *Nghiên cứu xác định lại tên gọi một số dân tộc và nhóm địa phương* (2017) cho nhiều dữ liệu quan trọng về vấn đề tên Đệm của người Mnông.

Bước đầu chúng tôi cho rằng: *tên Đệm của người Mnông chỉ mang ý nghĩa thực tại được sử dụng để phân biệt giới tính của người được đặt tên mà thôi chứ nó không mang nghĩa hàm chỉ như tên Cá nhân*.

2.3.2. Cấu tạo của tên Cá nhân

Về cấu tạo, tên Cá nhân trong tên chính danh người Mnông có hình thức vỏ ngữ âm đơn tiết (còn gọi là tên đơn) và vỏ ngữ âm đa tiết, trong đó tên Cá nhân đơn tiết là chủ yếu. Cấu tạo hình thái này phù hợp với đặc điểm của tiếng Mnông và thói quen truyền thống trong cách đặt và gọi tên (bằng một âm tiết) của dân tộc này. Hiện nay, do sự tiếp biến ngôn ngữ và văn hóa, không ít người Mnông thuộc thế hệ trẻ được đặt tên Cá nhân có cấu trúc đa tiết phức tạp hơn mà chúng tôi gọi là **tên Cá nhân kép**. Trong tên kép có thể có:

Ta có thể hình dung cấu tạo tên Cá nhân người Mnông như sau:

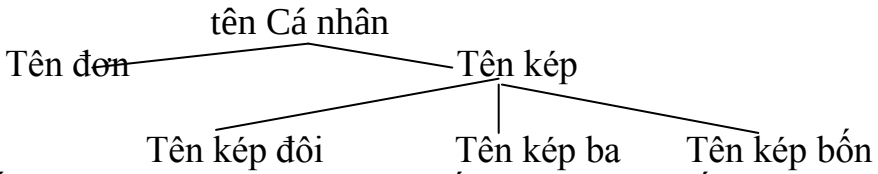

Các danh tố của đơn vị định danh này xuất hiện không giống nhau ở các phạm vi, hoàn cảnh, môi trường giao tiếp do đặc điểm văn hóa tộc người Mnông. Dưới đây là đặc điểm của từng tiểu loại:

a) Tên đơn/ Tên Cá nhân đơn

Tên đơn là danh tố tên Cá nhân chỉ gồm một thành tố, tức tên đơn là tên gọi có cấu tạo vỏ ngữ âm đơn tiết, và không có cấu trúc nội bộ. Ví dụ: *Tuynh* (trong Y Tuynh Bing), Bắp trong (H'Bắp Bon Ding), *Tiên* (trong Thị Tiên Bon Jốk Ju),… Trong số 2.000 tên Cá nhân người Mnông thì tên Cá nhân đơn chiếm 60,3%. Rõ ràng, tên Cá nhân đơn là hình thức đặt tên phổ biến và truyền thống của người Mnông.

b) Tên kép/ Tên Cá nhân kép

Tên kép là tên Cá nhân có cấu tạo phức hợp gồm ít nhất từ hai thành tố trở lên kết hợp với nhau tạo thành một kết cấu để chỉ một ý nghĩa nhất định. Đa số những tên

kép thường sử dụng các từ ghép, cụm từ hoặc các địa danh làm tên Cá nhân. Có một số tên kép có cấu trúc tương đối ổn định do dùng địa danh hay vay mượn của các từ ghép có sẵn của nước ngoài. Chẳng hạn tên Cá nhân kép Ya Cơ ở tên Y Ya Cơ Bon Jốk Ju, hay tên kép Ni Cô Lai trong Y Ni Cô Lai Bon Phi Nao, Sam Sung trong Y Sam Sung Hđơk, Hon Da trong Y Hon Da Hlŏng,… thì kết cấu Ya Cơ, Ni Cô Lai, Sam Sung, Hon Da,… là ổn định và không thể thay thế. Phần lớn các tên kép còn lại rất khó xác định mối quan hệ của các thành tố trong toàn bộ kết cấu của tên gọi.

Các tên kép đôi có số lượng chiếm ưu thế cao hơn hẳn so với tên kép ba hay tên kép bốn. Trong số 793 tên kép thì số lượng tên kép đôi chiếm 69,3%, tên kép ba chiếm 29,5%, còn tên kép bốn chỉ chiếm 11,3%. Nếu so sánh theo địa phương thì: số người có tên kép ở Đắk Lắk cao hơn 22% so với ở Đắk Nông. Tỉ lệ người có tên kép đôi ở Đắk Lắk chiếm 43,6%, trong khi ở Đắk Nông chỉ có 35,7%. Với từng loại tên kép thì số người có tên kép đôi ở Đắk Lắk gấp 1,4 lần (320/230) so với ở Đắk Nông. Số người có tên kép ba và số người có tên kép bốn ở hai tỉnh không có chênh lệch.

Nếu so sánh theo giới thì thấy: Tỉ lệ nam có tên kép đôi, kép ba hay kép bốn không có sự chênh lệch đáng kể nào giữa hai địa phương. Tỉ lệ người có tên kép ở nữ giới chiếm 48,3% (431/892 người) trong khi tỉ lệ người có tên kép nam giới chỉ có 32,7% (362/1.108 người). Nhưng nếu ở riêng mỗi địa phương (tỉnh) thì tỉ lệ nữ có tên kép ở Đắk Lắk (56,8%) cao hơn hẳn so với ở Đắk Nông (40,3%).

Ở các lứa tuổi khác nhau thì tỉ lệ tên kép cũng khác nhau. Trong số người có tên chính kép ở hai địa phương thì ở độ tuổi từ 1 - 20 chiếm tỉ lệ cao nhất với 50,6%. Còn những người ở độ tuổi từ 21 - 40 chiếm 28,6% (227/793), và những người ở độ tuổi 41 - 60 chiếm tỉ lệ 20,8%. Còn ở độ tuổi trên 60 thì không có người nào có tên gọi kép. Điều này cho thấy cách đặt tên chính kép có xu hướng tăng dần theo tuổi trẻ trong vài chục năm trở lại đây, tức người càng trẻ thì tỉ lệ tên chính kép càng cao. Ngược lại, với người càng già thì tỉ lệ tên chính kép càng thấp.

Nếu so sánh theo giới và địa phương thì nữ giới có tên kép ba ở Đắk Lắk chiếm tỉ lệ cao hơn (89/431 người = 20,6%) so với Đắk Nông (70/461 người = 15%).

c) Về cấu tạo hình thức

Ta có thể hình dung mối quan hệ giữa các thành tố của tên kép qua việc phân tích ở kiểu tên gọi sau đây:

1. Y Ya Cơ Bon Jốc Ju

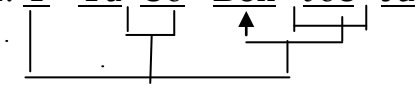

Trong cấu trúc tên chính danh của người Mnông, tên Cá nhân luôn đứng ở vị trí ở giữa (sau tên Đệm và trước tên Họ). Điều này khác với tên riêng người Việt và một số tên gọi của các dân tộc khác trên thế giới.

2.3.3. Cấu tạo của tên Họ

Họ là một tập hợp người có mối quan hệ với nhau về huyết thống, họ còn là một tập hợp những người có quan hệ với nhau theo một trật tự, tôn ti rất chặt chẽ. Chức năng cơ bản của danh tố Họ là dùng để gọi tên Họ (hay dòng họ) của đối tượng được mang tên. Theo Từ điển Tiếng Việt thì Họ là *"Tập hợp gồm những người có cùng một tổ tiên, một dòng máu"* [65, tr. 575]. Trên cơ sở các dữ liệu tên chính danh của 2.000 người Mnông, chúng tôi cho rằng: Về cấu trúc hình thái, tên Họ của người Mnông có cả tên Họ cấu trúc đơn và tên Họ cấu trúc kép. Tên Họ đơn là những tên

Họ chỉ gồm một thành tố và tồn tại dưới hình thức vỏ ngữ âm đơn tiết, ví dụ: Dớt, Yieh, Priêng, Knam,…

Tên Họ kép là những tên họ gồm hai thành tố trở lên và tồn tại dưới hình thức từ vỏ ngữ âm đa tiết. Ví dụ: Bu Răng, Bu Gur, Phi Nao, Phai Mur, Bu M'blanh, Liêng Hót, Điêng Du Klăng, Uông Krông,… Ở nhiều tên Họ kép của người Mnông có hiện tượng thành tố đầu tiên trong tên họ thường giống nhau và mang tên Bon. Ví dụ: Bon Dơt, Bon Jôk Ju,... Trong tên Họ kép có thành tố **Bon** đứng đầu thì Bon có nghĩa là "buôn, làng", còn các thành tố Ding, Dơt, N'Glao,… có thể nhiều khi là tên của người sáng lập ra **bon** đó. Đồng thời, đối với những tên Họ kiểu như vậy thì *Bon* sẽ là thành tố chính trong tên Họ thuần Mnông. Số liệu thống kê 2.000 tên chính danh người Mnông cho thấy: người Mnông có tên Họ kép chiếm tỉ lệ 35,1%, thấp hơn nhiều so với tỉ lệ 64,9% người có tên Họ đơn.

Căn cứ vào cấu trúc có thể chia tên Họ kép ra thành hai loại:

- Loại thứ nhất: những tên Họ kép được hình thành do sự quy ước của một nhóm người hay một dòng họ. Các tên họ loại này là một tổ hợp đa tiết có kết cấu rất chặt chẽ khiến không thể thay thế hoặc đổi vị trí của bất kỳ của thành tố nào trong kết cấu đó. Đó là các tên họ: Khun Ju Nốp, Tu Mlô, Uông Krông, Dỡng Jri, Nỡm Ông,…

- Loại thứ hai gồm những tên Họ kép theo địa danh. Trong tên Họ kép thì thành tố thứ nhất thường chỉ bon, thành tố thứ hai trở đi là những tên gọi khác. Ví dụ: Bon Ding, Bon Dơt, Bon Bu Krăk, Bon Dôk, Bon Dăk Bu, Du Bing, Hlỡng Êban,…

Về cấu tạo: các tên họ kép loại thứ hai này có cấu trúc đa thành tố mà thành tố thứ hai (có thể bao gồm cả thành tố thứ ba) chính là những thành tố giúp cho việc xác định cụ thể của dòng họ này với dòng họ khác. Vì vậy trong giao tiếp, người ta thường sử dụng các thành tố từ thứ hai trở đi trong kết cấu họ kép để thay thế cho toàn bộ tên Họ khi gọi tên để xác định ai đó. Ngoài hai loại tên Họ kép trên, ở người Mnông còn có những tên Họ kép loại khác. Chẳng hạn, tên Họ kép của các con vật, hay các sự vật, hiện tượng, như các tên Họ: Điêng Đu Klăng, Phai Mur, Rla Yu,… Hiện rất khó lí giải nguyên nhân vì sao lại gọi là Điêng Đu Klăng, Phai Mur,…

Chức năng của tên Họ kép là để gọi tên một dòng họ duy nhất và cá biệt. Việc nhận biết chúng chỉ có thể dựa vào mối quan hệ giữa tên gọi và người được gọi tên, hoặc có thể theo đặc điểm của tên bon làng đó.

Một số tên Họ có sự biến đổi trong quá trình lịch sử hoặc sự du nhập khá nhiều tên họ của cư dân nhiều dân tộc thiểu số khác ở đây. Sau này lại có sự pha trộn, giao thoa do tiếp xúc, hôn nhân với các dân tộc khác ở các tỉnh phía Bắc mới chuyển tới. Vì vậy, việc xác định chính xác số lượng tên họ của người Mnông hiện chưa thể thực hiện được. Ngay đề tài của tỉnh Đắk Nông cũng không xác định được số lượng các tên Họ của người Mnông. Dưới đây là một vài số liệu thống kê về tên họ của người Mnông ở Đắk Lắk và Đắk Nông.

Bảng 2.3. Thống kê tên Họ nam giới người Mnông (ở Đắk Lắk và Đắk Nông)

STT	Tên Họ nam	Đắk Lắk	Tỉ lệ (%)	Đắk Nông	Tỉ lệ (%)	Tổng chung	Tỉ lệ (%)
1.1	Họ thuần Mnông	389	66,84	342	63,45	731	65,2
1.1	Họ đơn	264	67,87	247	40,36	511	69,9

1.2	Họ kép	125	32,13	95	15,52	220	30,1
2	Họ không thuần	164	28,18	104	19,29	268	23,9
2.1	Họ đơn	147	89,63	72	69,23	219	81,7
2.2	Họ kép	17	10,37	32	30,77	49	18,3
3	Vắng tên họ	29	4,98	93	17,25	122	10,9
Tổng cộng		582	100	539	100,0	1121	100,0

Bảng 2.4. Thống kê tên Họ nữ giới người Mnông (ở Đắk Lắk và Đắk Nông)

STT	Tên Họ nữ	Đắk Lắk	Tỉ lệ (%)	Đắk Nông	Tỉ lệ (%)	Tổng chung	Tỉ lệ (%)
1	Họ thuần Mnông	313	74,9	270	58,6	583	66,3
1.1	Họ đơn	247	78,9	183	67,8	430	73,8
1.2	Họ kép	66	21,1	87	32,2	153	26,2
2	Họ không thuần	84	20,1	104	22,6	188	21,4
2.1	Họ đơn	72	85,7	67	64,42	139	30,5
2.2	Họ kép	12	14,3	37	35,58	49	10,7
3	Vắng tên họ	21	5,0	87	18,87	108	12,3
Tổng cộng		**418**	**100**	**461**	**100,0**	**879**	**100,0**

Bảng 2.5. Thống kê tên Họ người Mnông (ở Đắk Lắk và Đắk Nông)

STT	Tên Họ	Đắk Lắk	Tỉ lệ (%)	Đắk Nông	Tỉ lệ (%)	Tổng chung	Tỉ lệ (%)
1	Họ thuần Mnông	702	70,2	612	61,20	1314	65,7
1.1	Họ đơn	511	72,8	430	70,26	941	71,6
1.2	Họ kép	191	27,2	182	29,74	373	28,4
2	Họ hỗn huyết	248	24,8	208	20,80	456	22,8
2.1	Họ đơn	219	73,5	139	66,83	358	78,5
2.2	Họ kép	29	9,7	69	33,17	98	21,5
3	Vắng tên họ	50	5,0	180	18,00	230	11,5
Tổng cộng		**1000**	**100**	**1000**	**100,0**	**2000**	**100,0**

Lưu ý: Số liệu ghi trong 3 bảng trên là số lượng những người có tên Họ chứ không phải là số lượng tên Họ của người Mnông.

2.4. PHÂN LOẠI CÁC TỔ HỢP ĐỊNH DANH TÊN CHÍNH DANH NGƯỜI MNÔNG

2.4.1. Cơ sở phân loại

Cách phân loại của chúng tôi dựa vào số lượng các thành tố tham gia vào cấu trúc của tổ hợp định danh, được gọi là *khuôn cấu trúc* và được đánh số 1, 2, 3, 4,…

2.4.2. Kết quả phân loại

2.4.2.1. Các kiểu tổ hợp và khuôn cấu trúc tên chính danh người Mnông

Các tổ hợp định danh tên chính danh người Mnông (trên tư liệu hiện có) gồm **2** kiểu: tổ hợp định danh đầy đủ (3 danh tố) và tổ hợp định danh không đầy đủ (2 danh tố) với **14** khuôn cấu trúc sau:

Kiểu 1: Tổ hợp định danh tên chính danh không đầy đủ là kiểu tổ hợp chỉ gồm 2 danh tố: tên Đệm + tên Cá nhân hoặc tên Cá nhân + tên Họ. Kiểu tổ hợp định danh này gồm 2 danh tố này có **7** khuôn cấu trúc:

Kiểu 2: Tổ hợp định danh tên chính danh đầy đủ là kiểu tổ hợp gồm 3 danh tố: tên Đệm + tên Cá nhân + tên Họ. Kiểu tổ hợp định danh gồm 3 danh tố này có **7** khuôn cấu trúc:

Nếu căn cứ vào đặc điểm số lượng các thành tố trong cấu trúc của các danh tố tham gia cấu tạo tên chính danh, ta còn có thể có sự phân chia tỉ mỉ hơn nữa.

2.4.2.2. Kiểu tổ hợp định danh tên chính danh không đầy đủ

a) Khuôn cấu trúc 1:

Khuôn này có mô hình: Ø - tên cá nhân đơn - tên Họ đơn qua các ví dụ sau:

b) Khuôn cấu trúc 2:

Khuôn này có mô hình: Ø - tên Cá nhân kép đôi - tên Họ đơn, như: Điểu Kâu, H' Blin, Tổ hợp định danh 2 thành tố này được dùng để gọi tên đối tượng nam và nữ.

c) Khuôn cấu trúc 3:

Khuôn này có mô hình: Ø - tên Cá nhân đơn - tên Họ kép đôi, như: Pro Đắk Căt, Ken Kyang Byă,…

d) Khuôn cấu trúc 4:

Khuôn này có mô hình: Ø - tên Cá nhân đơn - tên Họ kép ba. Ví dụ: Du Hoai Niê, Quốc Duy Hlŏng,…

e) Khuôn cấu trúc 5:

Khuôn này có mô hình: Ø - tên Cá nhân kép đôi - tên Họ kép ba

Đối với kiểu tên gọi cấu tạo theo khuôn cấu trúc 5, người ta vẫn nhận ra thành phần cấu tạo và *tên Cá nhân* và có sự phân biệt giới tính rõ ràng nhờ vào tên Đệm.

g) Khuôn cấu trúc 6 :

Khuôn này có mô hình: tên Đệm - tên Cá nhân đơn - Ø.

Đây là kiểu tên gọi được xem là cách đặt tên chính danh của người Mnông.

h) *Khuôn cấu trúc 7 :*

Khuôn 7 có mô hình: tên Đệm - tên Cá nhân kép đôi – Ø. Ví dụ: N'*Trang Lơng*

2.4.2.3. Kiểu tổ hợp định danh tên chính danh đầy đủ

a) Khuôn cấu trúc 8:

Khuôn cấu trúc 8 có mô hình: tên Đệm - tên Cá nhân đơn - tên Họ đơn. Ví dụ: Y Tuynh Bing, H'Thủy Hlŏng, Điểu Cường Yieh,…

b) *Khuôn cấu trúc 9*

Khuôn cấu trúc 9 có mô hình: tên Đệm - tên Cá nhân kép đôi - tên Họ đơn. Ví dụ: Y Ra Đê Ding, Y Ra Lê Dớt, H'Kim Jun Jâng, Thị Rô Gen Ray,…

c) Khuôn cấu trúc 10:

Khuôn cấu trúc 10 có mô hình: tên Đệm - tên Cá nhân kép ba - tên Họ đơn. Ví dụ: Y Ben Ja Min Kpơr, H'Lô Mai Ô R'La, Điểu Lê Nam Nam Priêng, Kân Ti Tan Đa Hlŏng,…

d) Khuôn cấu trúc 11:

Khuôn cấu trúc 11 có mô hình: tên Đệm - tên Cá nhân kép bốn - tên Họ đơn. Ví dụ: Thị Nê Pan Hà Ly Du, Y Lu Nơ San Dan Ê-ung,...

e) Khuôn cấu trúc 12:

Khuôn cấu trúc 12 có mô hình: tên Đệm - tên Cá nhân đơn - tên Họ kép đôi. Ví dụ: Điểu Bang Bu Răng, Y Cường Bu Drung, Thị Chin Bon R'Lông,…

g) Khuôn cấu trúc 13:

Khuôn này có mô hình: tên Đệm - tên Cá nhân kép đôi - tên Họ kép ba. Ví dụ : Điểu Bang Nam Bon Bu Răng, H'Ju Na Bon Bu Prâng,…

h) Khuôn cấu trúc 14

Tổ hợp định danh 7 thành tố có khuôn cấu trúc: tên Đệm - tên Cá nhân kép ba - tên Họ kép ba. Loại tổ hợp định danh 7 thành tố có khuôn cấu trúc này rất ít gặp trong tên gọi người Mnông. Ví dụ: Y Ni Cô Lai Bon Phi Nao, H'Rô Lô Nga Bon Bu Drung,... Để có thể rõ hơn, xin xem Bảng 2.6 dưới đây:

Bảng 2.6. Các kiểu tổ hợp định danh và các khuôn cấu trúc tên chính danh người Mnông

Kiểu tổ hợp định danh		**Khuôn cấu trúc**	**Ví dụ**
tổ hợp định danh không đầy đủ (2 danh tố)	Khuyết tên Đệm	1) Ø - tên Cá nhân đơn - tên Họ đơn	*Miêng* Klơng
		2) Ø - tên Cá nhân kép đôi - tên Họ đơn	*Du Hoài* Niê
		3) Ø - tên Cá nhân đơn - tên Họ kép đôi	*Pro* Đăk Căt
		4) Ø - tên Cá nhân đơn - tên Họ kép ba	*Brong* Bon Dõng Sữr
		5) Ø +Tên Cá nhân kép đôi + Họ kép ba	*Kha Niêng* Bon Jốc Ju
	Khuyết tên Họ	6) tên Đệm - tên Cá nhân đơn – Ø	Điểu *Kâu*
		7) tên Đệm - tên Cá nhân kép đôi - Ø	N'*Trang Lơng*
tổ hợp định danh đầy đủ (3 danh tố)		8) tên Đệm - tên Cá nhân đơn - tên Họ đơn	Y *Tuynh* Bing
		9) tên Đệm - tên Cá nhân kép đôi - tên Họ đơn	Y *Ra Đê* Ding
		10) tên Đệm - tên Cá nhân kép ba - tên Họ đơn	Y *Ben Ja Min* Kpơr
		11) tên Đệm - tên Cá nhân kép bốn - tên Họ đơn	H'*Na Hum Ơ Dan* Krung
		12) tên Đệm - tên Cá nhân đơn - tên Họ kép đôi	H'*Hoa* Niê Kdăm
		13) tên Đệm - tên Cá nhân kép đôi - tên Họ kép ba	Y *Rô Ga* Bon Bu Prâng
		14) tên Đệm - tên Cá nhân kép ba - tên Họ kép ba	Y *Ni Cô Lai* Bon Điêng Đu

Ghi chú: Tên Cá nhân ở ví dụ được dùng chữ nghiêng

2.5. TIỂU KẾT

Tên chính danh người Mnông là một đơn vị định danh có cấu tạo phức hợp dưới hình thức một tổ hợp và được gọi là tổ hợp định danh. Về cấu tạo, các danh tố này lại được tạo thành từ các thành tố. Thành tố là đơn vị nhỏ nhất trong cấu trúc của tổ hợp định danh tên người. Thành tố trong tổ hợp định danh luôn có cấu trúc vỏ ngữ âm đơn tiết. Có 2 kiểu tên gọi khác nhau nếu dựa vào tính đầy đủ và không đầy đủ của tổ hợp định danh và 14 khuôn cấu trúc nếu xét về đặc trưng cấu tạo của mỗi danh tố.

Chương 3
Ý NGHĨA VÀ CƠ SỞ ĐẶT TÊN CHÍNH DANH CỦA NGƯỜI MNÔNG

3.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

3.1.1. Cơ sở định danh tên chính danh

Cách đặt tên chính danh là phương thức định danh tên chính danh. Người bản ngữ khi định danh sự vật luôn lựa chọn việc đặt tên sự vật, hiện tượng của thực tế khách quan căn cứ vào những đặc điểm, cơ sở nào đó mà có tính lí do nhất định. Nói như vậy không có nghĩa chúng ta phủ nhận tính võ đoán của ngôn ngữ. Tuy nhiên, đối với việc đặt và gọi tên chính danh thì nhiều khi lại không phải hoàn toàn như vậy. Thực tế quá trình đặt tên cho thấy, việc người Mnông lựa chọn hình thức tên gọi này hay khác suy cho cùng không phải không có lý do.

3.1.2. Vấn đề nghĩa của tên chính danh

Chính vì vậy, việc tìm hiểu các cơ sở đặt tên người ở một cộng đồng dân tộc nhất định sẽ có ý nghĩa quan trọng trong việc làm rõ các giá trị truyền thống văn hóa, xã hội của dân tộc đó thông qua hình thức đặt tên và gọi tên người. Và cách đặt tên và gọi tên chính danh ở người Mnông cũng vậy.

3.1.3. Về cơ sở đặt tên chính danh người Mnông

Tên chính danh người Mnông là một đơn vị định danh gồm có: **tên Đệm - tên Cá nhân - tên Họ**. Vậy người Mnông thường căn cứ vào các cơ sở nào để đặt tên chính danh?

3.2. CƠ SỞ ĐẶT TÊN ĐỆM VÀ Ý NGHĨA CỦA TÊN ĐỆM

Người Mnông thường chỉ sử dụng những tên Đệm đã được cộng đồng tộc người quy ước mà không được phép dùng thêm bất cứ một loại ký hiệu nào để làm thay thế tên Đệm này bằng tên Đệm khác.

3.2.1. Cơ sở đặt tên Đệm cho nam giới

Trong tên chính danh của người Mnông chỉ có 5 tên Đệm Y, N, K, Điểu, Kân được dùng cho nam giới. Theo tập quán của người Mnông, cá nhân không có quyền để lựa chọn hình thức tên Đệm này hay tên Đệm khác. Cơ sở đặt tên Đệm đối với nam giới Mnông ở thế hệ sau là phụ thuộc vào tên Đệm của thế hệ trước (người bố). Nếu người bố có tên Đệm là gì thì con trai của họ sẽ có tên Đệm như vậy.

3.2.2. Cơ sở đặt tên Đệm cho nữ giới

Đối với tên Đệm trong tên chính danh của nữ người Mnông, chỉ có các tên: H, Thị, De, trong đó hình thức tên Đệm H là chủ yếu. Trong số đó thì hình thức tên Đệm H chiếm tỷ lệ 80,9%, còn lại 19,1% là tên Đệm Thị, De. Theo tập quán của người Mnông, cũng giống như trường hợp tên Đệm của nam giới thế hệ sau phụ thuộc vào tên đệm của bố, việc nữ giới thế hệ sau có hình thức tên Đệm nào là hoàn toàn phụ thuộc vào tên Đệm của thế hệ trước (người mẹ).

3.2.3. Ý nghĩa của tên Đệm

Chúng tôi cho rằng: *tên Đệm của người Mnông chỉ mang ý nghĩa thực tại được sử dụng để phân biệt giới tính của người được đặt tên chứ nó không mang nghĩa hàm chỉ*.

3.3. CƠ SỞ ĐẶT TÊN VÀ Ý NGHĨA CỦA TÊN CÁ NHÂN

Tên Cá nhân của người Mnông có thể quy về và được đặt theo: 1) Mong muốn, mơ ước của cha mẹ; 2) Tập quán dân tộc; 3) Do sự tiếp biến văn hóa.

3.3.1. Cơ sở đặt tên Cá nhân

3.3.1.1. Mong muốn, ước mơ của cha mẹ

Các bậc làm cha mẹ người Mnông khi sinh con thường mong muốn cho con cái mình sau này trưởng thành nên người. Và họ đã gửi gắm niềm hy vọng, sự mong muốn hay mơ ước nào đó vào các tên Cá nhân cho con. Chẳng hạn, cha mẹ mong muốn người con trai của mình sau này cường tráng, khỏe mạnh (thì ở vùng Mnông Rlâm, Mnông Gar thường đặt tên cho con là Dăm Săn, Dăm Bi, Dăm Rí,… có nghĩa chỉ "con trai, thanh niên". Hoặc có những bậc cha mẹ mong muốn con trai mình sau này mạnh mẽ như những con thú. Chẳng hạn các tên Cá nhân nam trong những tên chính danh như: Y Tla Brec Ksơr (*con báo*), K'Pu Đắk Cắk (*con trâu*),...

Có khi cùng một tên Cá nhân là Pơ Lang (mà đúng ra là bơlang (Bơ Lang)), người đặt tên cho con mong muốn phẩm chất, đạo đức của người con gái. Nhưng nhiều khi cha mẹ khác lại có ý muốn nói về hình thức vẻ đẹp bên ngoài,... hoặc thậm chí cả 2 điều mong muốn trên. Có những bậc cha mẹ mong con gái mình vừa duyên dáng, xinh đẹp và nhanh nhẹn nên đặt tên thể hiện nguyện vọng con gái mình như những con chim. Vì vậy nên có kiểu các tên Cá nhân cho nữ giới như: *H'Sưm Lông Ing Bon Bu Krăk* (*chim họa mi*); *Thị Brak Bu Tăm* (*chim công*),...

Với tên gọi các giống chim bình thường khác (trong quan niệm của người Mnông) như: chào mào (**rleo**), sáo (**rlang**), vẹt (**tet**), quạ (**ndak, bom yơi**),… thì rất ít khi người Mnông sử dụng tên chúng để đặt tên Cá nhân cho con cái của mình.

Hoặc tên gọi mang tên các loài hoa (mà người Mnông coi là cao quý, xinh đẹp) như: *H'Kao Truih Bu Tăm* (mà nguyên gốc **kao truih**: *hoa sen*), H'Eh Kao Bing (mà nguyên gốc **eh kao**: *hoa hồng*), Thị Căt Kao Bon N'Glao (mà nguyên gốc **căt kao**: *hoa cúc*), N'War Kao R'La (mà nguyên gốc **war kao**: *hoa lan*),...

Điều này có thể được giải thích bởi nguyên nhân khách quan và chủ quan của người đặt tên. Nguyên nhân khách quan có thể do sự trùng hợp ngẫu nhiên,… Nguyên nhân chủ quan phụ thuộc vào sở thích nguyện vọng của người đặt tên thiên về một hình thức tên gọi nhất định hoặc ghi dấu ấn một kỷ niệm nào đó của người đặt tên và người mang tên.

3.3.1.2. Tập quán dân tộc

Trước đây công việc đặt tên cho con cái của người Mnông diễn ra theo phong tục, tập quán riêng của tộc người này. Đối với người dân bình thường, người ta thường đặt tên tục xấu như: Mâu. Mâu Ndreh, … (*cát, sỏi đá,…*) để đánh lừa các linh hồn ác. Chỉ đến khi đứa trẻ được cúng Giàng, đặt tên chính thức thì lúc đó tên chính danh mới được công nhận về mặt pháp lý nhưng tên tục trước đây vẫn có thể được giữ nguyên làm tên gọi ở nhà hay tên gọi trong phạm vi hẹp của người thân.

Từ một khía cạnh khác về tập quán, người Mnông không kiêng sự húy kỵ. Theo tập quán, từ sau 3 đến 5 đời trong nội tộc (bên mẹ) thì con cháu bắt buộc phải đặt lại tên của ông bà, cụ kị - những người có tài, danh tiếng trong dòng họ bên mẹ. Trong quan niệm của người Mnông, việc đặt tên chính danh cho con cái như vậy là để nhắc nhở, giáo dục các thế hệ cho con cháu mình noi gương các cụ tổ tiên.

3.3.1.3. Tiếp biến văn hóa

Gần đây, do sự tiếp xúc văn hóa đa dạng với các tộc người khác và nhất là trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế nên tên Cá nhân của người Mnông có những sự thay đổi lớn. Chẳng

hạn những tên Cá nhân cho nữ giới kiểu như: Oanh, Yến, Loan, Phượng, Trâm, Bình, Quyên, Tuyết Nhung,... Hoặc những tên Cá nhân cho nam giới, như: Lê Nam Nam, Tuấn, Tú, Khôi, Ngô, Cao, Nam, Hiệp,... hay theo kiểu tên Hán - Việt như: Phong, Sơn, Hà,... hoặc tên từ nước ngoài như: Mô Tô Rô La, Pa ri, Ja Pan,...

3.3.2. Ý nghĩa hàm chỉ trong tên Cá nhân

3.3.2.1. Cơ sở phân loại

Việc phân loại ý nghĩa hàm chỉ trong tên Cá nhân người Mnông là công việc mới mẻ và gặp nhiều khó khăn, phức tạp. Dưới đây là một số cơ sở phân loại đó :

- *Dựa vào phạm trù lôgíc - ngữ nghĩa của các sự vật, hiện tượng*
- *Dựa vào đặc điểm từ vựng - ngữ pháp của các ký hiệu tên gọi*
- *Dựa vào phạm vi sử dụng, nguồn gốc của các ký hiệu tên gọi*

Trong số các tiêu chí phân loại nói trên, việc phân chia dựa vào logíc - ngữ nghĩa của vốn từ được xem là cơ sở phân loại chủ yếu. Có thể phân loại và miêu tả ý nghĩa hàm chỉ của các loại danh tố trong tên chính danh người Mnông như sau:

Trong thành phần cấu tạo của tên chính danh người Mnông, tên Cá nhân được xem là yếu tố quan trọng nhất, có ý nghĩa quyết định đến sự khu biệt cho tính cá thể đơn nhất của đối tượng được gọi tên. Như vậy, cơ sở để phân chia các kiểu ý nghĩa hàm chỉ trong tên Cá nhân chủ yếu dựa vào đặc điểm từ vựng - ngữ nghĩa và đặc điểm từ vựng - ngữ pháp của các ký hiệu tên gọi.

3.3.2.2. Đặc điểm ý nghĩa hàm chỉ trong tên Cá nhân

a) Ý nghĩa của tên Cá nhân dựa theo đặc điểm từ vựng - ngữ nghĩa

- *Nhóm ý nghĩa hàm chỉ sự vật:* Có phạm vi hàm chỉ rất lớn bao gồm các loại tên gọi động vật, thực vật và các vật thể tồn tại trong thực tế khách quan, như:

+ *Nhóm ý nghĩa hàm chỉ tên gọi động vật bao gồm:* Các tên gọi chỉ động vật hoang dã: hổ, hùm, beo,,... Tên gọi các loài chim có ý nghĩa hàm chỉ: chim sâu, công, vẹt,... Các tên gọi các loài cá có ý nghĩa hàm chỉ như: *cá rô, cá mè, cá chép,...*

+ *Nhóm tên gọi thực vật có ý nghĩa hàm chỉ bao gồm:* tên gọi các loại hoa quả, rau cỏ có ý nghĩa hàm chỉ;

+ *Nhóm chỉ các hiện tượng tự nhiên và xã hội có ý nghĩa hàm chỉ*: Nhóm tên gọi các hiện tượng của thế giới tự nhiên, các phương hướng có ý nghĩa hàm chỉ;

Ngoài ra còn nhóm tên gọi các thần linh, địa hình, địa danh, hiện tượng văn hóa xã hội, tên các bộ môn khoa học, tên các loại hình văn hóa nghệ thuật, tên các nốt nhạc, tên các bộ môn khoa học, tên gọi các khái niệm trừu tượng, các khái niệm về lịch sử, chính trị, tên gọi chỉ màu sắc, tên gọi chỉ số từ, và số thứ tự,...

b) Ý nghĩa hàm chỉ tên cá nhân dựa vào đặc điểm từ vựng - ngữ pháp

Theo cách phân loại này ý nghĩa hàm chỉ trong tên người được quy về các nhóm sau đây theo đặc điểm từ loại: tên gọi là danh từ; tên gọi là các tính từ; tên gọi là số từ; tên gọi là động từ.

3.4. CƠ SỞ ĐẶT TÊN VÀ Ý NGHĨA CỦA TÊN HỌ

3.4.1. Khái niệm về tên Họ

Khái niệm tên Họ của người Mnông hoàn toàn khác với tên Họ của nhiều dân tộc. Hơn nữa, giữa cư dân Mnông nói phương ngữ Mnông Tây (ở Đắk Nông) và cư dân nói phương ngữ Mnông Đông (ở Đắk Lắk) là khác nhau về cách đặt tên Họ trong tên chính danh của mình.

3.4.2. Cơ sở đặt tên Họ

3.4.2.1. Tên Họ đặt theo địa danh

Trong tên Họ của người Mnông, một trong những tên Họ được đặt phổ biến nhất là những tên Họ được đặt theo địa danh. Trong các tên Họ kép, thành tố đầu tiên của tên Họ thường là Bon và có nghĩa *buôn, làng*, như: Bon Ding, Bon Dơt,…

3.4.2.2. Tên Họ đặt theo tên vật tổ (tô tem giáo)

Tên họ đặt theo tên vật tổ (tô tem giáo) thường dưới hình thức tên của con vật, sự vật, hiện tượng tự nhiên, kiểu như: Kpơr (lá cây), Ya (cá sấu), Jâng Ray Yieh (bãi cỏ tranh), Phai mur (lúa gạo),…ở nhóm người Mnông Gông Preh (Mnông Preh);

3.4.2.3. Tên Họ mượn hoặc có thể cùng nguồn gốc

Tên Họ mượn hoặc có thể cùng nguồn gốc, kiểu như: A Yun, Buôn Krông, Buôn Yă, Êban, Knul, Niê, Adrơng, Tu Mlô,…ở nhóm người Mnông Gông Preh (Mnông Preh); Đây là những tên Họ thường thấy ở các dòng họ nhánh người Ê-đê.

3.4.3. Ý nghĩa của tên Họ

Chúng tôi phân chia ý nghĩa hàm chỉ tên Họ người Mnông thành 3 nhóm sau:

Nhóm 1: Tên họ mang ý nghĩa chỉ tên buôn làng với những đặc điểm địa lí, sinh thái của buôn làng.

Nhóm 2: Tên họ mang ý nghĩa Tô tem giáo (các con vật)

Nhóm 3: Tên họ mang ý nghĩa thủy tổ bon làng (những người có công tạo lập bon làng của cộng đồng người Mnông)

3.5. TIỂU KẾT

Cơ sở đặt tên Đệm, tên Cá nhân, tên Họ của người Mnông có những quy tắc nhất định. Đó là: tên Đệm là loại tên đặt theo tập quán. Nhưng với tên Cá nhân tùy thuộc vào: mong muốn, mơ ước của người sinh thành. Còn tên Họ, có thể được đặt theo tên vật tổ tô tem giáo là phổ biến nhất, và sau đó là tên Họ theo bon làng. Sự phân loại ý nghĩa hàm chỉ trong tên chính danh người Mnông theo các đặc điểm từ vựng - ngữ nghĩa của từ, thì ta có các trường nghĩa hàm chỉ như: ý nghĩa hàm chỉ sự vật, ý nghĩa hàm chỉ các hiện tượng trong tự nhiên và xã hội, ý nghĩa hàm chỉ về con người và các trạng thái tâm sinh lý con người.

Chương 4
CÁCH SỬ DỤNG TÊN CHÍNH DANH NGƯỜI MNÔNG TRONG GIAO TIẾP VÀ SỰ BIẾN ĐỔI CỦA CHÚNG

4.1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngoài chức năng định danh và ý nghĩa hàm chỉ, tên người nói chung và tên chính danh chỉ người nói riêng còn có chức năng ngữ dụng, nghĩa là chúng được dùng như phương tiện biểu hiện cảm xúc hay đánh giá của những người tham gia trong các hoạt động giao tiếp. Tên người không đơn thuần chỉ là cái tên dùng để xưng gọi mà thông qua cách gọi tên con người thể hiện các quan hệ liên nhân của những người tham gia giao tiếp. Tùy thuộc vào phạm vi, môi trường, hoàn cảnh, đối tượng giao tiếp khác nhau mà người Mnông sử dụng tên riêng chính danh cũng có những biểu hiện khác nhau.

4.2. CÁCH SỬ DỤNG TÊN CHÍNH DANH TRONG GIAO TIẾP

4.2.1. Sử dụng tên riêng chính danh ở phạm vi giao tiếp quy thức

Do đặc điểm của phạm vi giao tiếp quy thức, nên khi chưa quen biết, người Mnông thường có thể hỏi tên của người đối thoại. Khi đó người đối thoại thường

dùng tên chính danh đầy đủ thể hiện sự tôn trọng đối với người đối thoại. Nếu người đối thoại dùng theo kiểu tổ hợp định danh đầy đủ với các khuôn cấu trúc từ 8 -14 (mục 2.4.2. chương 2) thì người đối thoại cũng sẽ trả lời như vậy. Khi đã biết tên người đối thoại thì SP_2 và SP_1 thường chào bằng tên chính danh khuyết thiếu gồm tên Đệm và tên Cá nhân.

Trong những cuộc họp ở các cấp, người Mnông cũng sử dụng tên chính danh, song ít sử dụng kiểu tổ hợp định danh tên chính danh đầy đủ mà thường chỉ sử dụng tên chính danh không đầy đủ: tên Đệm - tên Cá nhân (như các khuôn 1 - 5), mà ít dùng tên Cá nhân - tên Họ (như các khuôn 6, 7). Riêng trong nhà thờ, đây là phạm vi giao tiếp quy thức song cũng không hoàn toàn bắt buộc người nói phải xưng hô và sử dụng tên chính danh đầy đủ khi nói tới người khác.

Khi giao tiếp trong trường học, quan hệ giữa giáo viên và học sinh (ngoài lớp học) lại thường sử dụng các từ xưng hô khác: từ thân tộc.

4.2.2. Sử dụng tên chính danh ở phạm vi giao tiếp phi quy thức

Ở phạm vi giao tiếp phi quy thức, quá trình giao tiếp thường diễn ra trong phạm vi gia đình, ở những nơi công cộng như trong các buổi sinh hoạt cộng đồng, trong cuộc họp bon, làng, giờ giải lao, trong các buổi lễ hội văn hóa dân gian,... Trong những cuộc giao tiếp này, cách sử dụng tổ hợp định danh tên chính danh đầy đủ chỉ xảy ra trong trường hợp giửa hai người lần đầu tiên gặp nhau. Ngoài việc sử dụng tên chính danh còn có một số hình thức tên gọi như: tên tục, tiệt danh, gọi tên theo tên con, gọi tên theo thứ tự lần sinh,...

4.3. SỰ BIẾN ĐỔI TÊN RIÊNG CHÍNH DANH CỦA NGƯỜI MNÔNG

4.3.1. Sự biến đổi tên chính danh của người Mnông theo thời gian

Quá trình biến đổi của tên người Mnông chủ yếu rơi vào hai yếu tố **tên Đệm** và **tên Cá nhân.** Tuy nhiên sự biến động của yếu tố tên chính danh này diễn ra không đồng đều trong cấu trúc tên gọi và phụ thuộc vào các nhân tố lịch sử xã hội.

4.3.2. Sự biến đổi của tên Đệm theo thời gian

Trên cơ sở của việc khảo sát 2.000 tên người Mnông xuất hiện từ năm 1930 đến nay trong các tầng lớp giai cấp, nghề nghiệp khác nhau, kết quả bước đầu cho thấy việc sử dụng của hai yếu tố này có sự biến động như sau:

Ở cộng đồng người Mnông Tây (ở Đăk Nông) thì tên Đệm sử dụng cho nam giới chủ yếu là Điểu (chiếm tỷ lệ 53,06 %, Y chiếm tỷ lệ 26,35 %. Còn lại là các hình thức tên đệm khác). Tên đệm sử dụng cho nữ giới lại chủ yếu là Thị (Thị: 67,46 %, H: 29,72 %, còn lại là các hình thức tên đệm khác). Ngược lại, trong tên gọi của cộng đồng người Mnông Đông (ở Đăk Lăk), nơi những cộng đồng này bị ảnh hưởng khá nặng nề từ sự tiếp xúc văn hóa với người Ê-đê, nên tên đệm dành cho nam giới chủ yếu là Y (Y: 52,90 %, Điểu: 27,59%, còn lại là các hình thức tên đệm khác.). Tên Đệm dành cho nữ giới chủ yếu là H (H: 95,36 %, Thị: 1,86 %, còn lại là các hình thức tên Đệm khác). Tuy nhiên, mức độ phân bố của hai hình thức tên Đệm này cũng phân bố không đồng đều trong các tên gọi ở mọi lứa tuổi và trình độ học vấn khác nhau ở những vùng khác nhau.

Mặc dù mức độ phân bố hai hình thức tên Đệm Y và H trong tên gọi vẫn chiếm tỷ lệ tương đối cao và không có sự khác biệt rõ ràng ở những người có năm sinh từ trước năm 1975. Đối với các tên gọi xuất hiện từ sau năm 1975 cho đến nay, sự xuất hiện các tên Đệm Y và H có sự biến động ít nhiều so với những năm trước đó. Qua

khảo sát chúng tôi nhận thấy có sự biến động thay đổi. Tỷ lệ (%) phân bố của hai hình thức tên Đệm của cả nam giới và nữ giới như sau:

Bảng 4.1. Sự biến đổi tên Đệm Y dành cho nam giới và H dành cho nữ giới theo thời gian

Tên Đệm	sinh trước năm 1975 (Tỷ lệ %)	sinh sau năm 1975 (Tỷ lệ %)	Ghi chú
Y	56,60	52,90	
H	87,6 %	84,6 %	
Vắng tên đệm	0	0	Cho cả Nam và Nữ

Bảng 4.2. Sự biến đổi tên Đệm khác dành cho nam giới và nữ giới theo thời gian

Tên đệm	Sinh trước năm 1975 (tỷ lệ %)	sinh sau năm 1975 (tỷ lệ %)	Ghi chú
Kân	0	0,88	
De	0	0,70	
Vắng tên Đệm	0	3,16	Cho cả Nam và Nữ

4.3.3. Sự biến đổi của tên Cá nhân người Mnông theo thời gian

4.3.3.1. Sự biến đổi hình thức tên Cá nhân người Mnông theo thời gian

Xu hướng đặt tên ghép được sử dụng ngày càng nhiều trong các tầng lớp xã hội ở từng thời kỳ, giai đoạn lịch sử khác nhau. Sự đối lập về hai hình thức tên đơn và tên ghép thể hiện trong các tầng lớp xã hội sau đây có thể nói lên điều đó:

- Đối với nông dân: trước cách mạng tháng Tám, 100% số người dùng tên đơn. Nhưng sau cách mạng tháng Tám, tỷ lệ này về cơ bản vẫn không có sự thay đổi đáng kể. Còn từ sau năm 1975, có 97% số người Mnông sử dụng tên đơn Cá nhân.

- Đối với công nhân: trước cách mạng tháng Tám, 99% số người dùng tên đơn. Nhưng sau cách mạng tháng Tám, tỷ lệ này về cơ bản không thay đổi. Từ sau năm 1975, có sự biến đổi mạnh, và chỉ còn lại 68,27% số người sử dụng tên đơn Cá nhân.

- Đối với tầng lớp "trí thức": trước cách mạng tháng Tám, 95% số người dùng tên đơn. Nhưng sau cách mạng tháng Tám, tỷ lệ này chỉ còn 79,17%. Còn từ sau năm 1975, có sự biến đổi mạnh, và chỉ còn lại 56,4% số người sử dụng tên đơn Cá nhân.

Rõ ràng hình thức sử dụng tên đơn ở người Mnông cũng có sự giảm dần và việc sử dụng tên ghép có xu hướng tăng dần theo sự vận động và phát triển của lịch sử - xã hội. Đặc biệt đối với trẻ em sinh ra trong khoảng 10 năm gần đây, tỉ lệ sử dụng hình thức tên ghép ngày càng tăng, nhất là đối với trẻ em sinh ra trong những gia đình công nhân, trí thức sống ở thành phố. Sự biến động này ở người Mnông có thể được hình dung qua bảng thống kê phân loại sau đây:

Bảng 4.3. Sự biến động tên Cá nhân theo lứa tuổi, thời gian và sự phân tầng xã hội

Giai cấp/nghề nghiệp	Trước năm 1945 Tỷ lệ %	Từ năm 1945 – 1975 Tỷ lệ %	Từ năm 1975 – nay Tỷ lệ %
Nông dân	100	100	97
Công nhân	99	96	68,27
Trí thức	95	79,17	56.40

4.3.3.2. Sự biến đổi ý nghĩa tên Cá nhân người Mnông theo thời gian

Về ý nghĩa: Việc đặt tên cho con của người Mnông cũng có sự biến động theo thời gian ở các tầng lớp xã hội. Hiện nay, cách đặt tên theo truyền thống của người Mnông không còn là vấn đề quan trọng và phổ biến nữa. Họ cũng đã ít nhiều chịu tác động của sự tiếp xúc và giao thoa văn hóa từ các dân tộc khác, trong đó có sự ảnh hưởng rất lớn của người Kinh. Tuy nhiên, trong các gia đình Mnông truyền thống, hay những gia đình giàu có vẫn duy trì cách đặt tên theo truyền thống.

4.4. VỀ CÁCH VIẾT TÊN CHÍNH DANH CỦA NGƯỜI MNÔNG TRONG TIẾNG VIỆT

4.4.1. Thực trạng cách viết tên chính danh người Mnông trong tiếng Việt

Chúng tôi nói viết tên chính danh người Mnông trong tiếng Việt tức là nói tới cách viết trong các văn bản mang tính pháp lí: giấy khai sinh, hộ khẩu, giấy chứng minh/thẻ căn cước, các giấy tờ sở hữu tài sản thì rõ ràng cách viết là bất nhất và không theo một quy tắc nào cả. Đó là: dựa vào âm đọc để phiên âm bằng chữ Quốc ngữ không thống nhất; và dựa vào âm đọc kết hợp với chữ viết Mnông ở các thời kì khác nhau một cách thiếu nguyên tắc. Đây là cách viết vừa theo kiểu tiếng Việt vừa theo kiểu chữ dân tộc.

4.4.2. Cơ sở khoa học, mục tiêu và nguyên tắc viết tên chính danh người Mnông trong tiếng Việt

4.4.2.1. Cơ sở viết tên chính danh người Mnông trong tiếng Việt

a) Cơ sở ngôn ngữ học

Theo [117b] thì ngôn ngữ là một hệ thống kí hiệu nên mỗi ngôn ngữ có các quy tắc riêng để loại bỏ các yếu tố, các hiện tượng ngoại lai bất quy tắc, biến đổi chúng thành một đơn vị thực thụ của ngôn ngữ vay mượn. Bên cạnh đó cũng phải tính tới sự tương đồng và khác biệt giữa tiếng Việt với tiếng Mnông về loại hình, đặc điểm ngữ âm và chữ viết. Mặt khác, do cách viết tên chính danh Mnông theo nhiều bộ chữ Mnông khác nhau nên cần xác định bộ chữ thống nhất.

b) Cơ sở văn hóa học, đó là mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa trong tên chính danh người Mnông.

c) Cơ sở thực tiễn:

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa ngôn ngữ nên nhu cầu thống nhất cách viết tên tên chính danh dân tộc thiểu số trong tiếng Việt là cần thiết.

d) Cơ sở pháp lí

Đó là vấn đề viết tên chính danh theo quy định ở Điều 26 Bộ luật dân sự năm 2015, có hiệu lực từ 1/1/2017: *"Cá nhân có quyền có họ, tên (bao gồm cả chữ đệm, nếu có). Họ, tên của một người được xác định theo họ, tên khai sinh của người đó"*. Tuy nhiên vấn đề viết như thế nào lại là vấn đề nan giải đối với viết tên chính danh của người Mnông.

4.4.2.2. Mục tiêu và nguyên tắc viết tên chính danh người Mnông trong tiếng Việt

a) Mục tiêu

Tạo sự thống nhất trong cách viết, cách đọc tên chính danh người Mnông để tạo điều kiện thuận lợi cho đông đảo người Việt Nam khi đọc và viết tên chính danh người Mnông, góp phần giữ gìn sự trong sáng tiếng Việt. Đồng thời tránh gây sự hiểu lầm không đáng có đối với đồng bào Mnông.

b) Nguyên tắc

Phù hợp với các quy tắc, thói quen đọc và viết tiếng Việt; và phản ánh tương đối đúng âm hưởng tên chính danh của người Mnông. Vì vậy cần phải kế thừa và không nên gây xáo trộn một cách không cần thiết nhưng không bảo thủ những cách viết và đọc sai lệch quá nhiều mà trước đây đã sử dụng.

Vì thế, cần có một quy tắc viết hoa hợp lý.

Một là, trước hết cần phải dựa vào cơ sở *khoa học,* nghĩa là phải căn cứ mối quan hệ giữa chữ viết và ngôn ngữ, giữa đặc điểm cấu trúc và đặc trưng sử dụng của từng loại tên riêng.

Hai là, quy tắc viết hoa đó cần phải mang *tính nhất quán* và *tiện dụng.* Tính nhất quán và tiện dụng ở đây không phải là sự tùy tiện, mang tính chủ quan của người sử dụng, mà là cần phải được thực hiện một cách thống nhất và phù hợp với tâm lý - thẩm mỹ của một cộng đồng dân tộc nhất định.

4.4.3. Về cách viết tên chính danh người Mnông trong tiếng Việt

- Phiên âm tên Cá nhân và tên Họ trong tên chính danh người Mnông theo cách viết của chữ Quốc ngữ.

- Khi viết tên chính danh của người Mnông phải có dấu chữ, dấu thanh và cố gắng theo các quy tắc chính âm và chính tả của chữ Quốc ngữ.

4.5. TIỂU KẾT

Tùy theo từng hoàn cảnh giao tiếp cụ thể mà việc sử dụng chúng lại mang những đặc trưng riêng phù hợp với truyền thống văn hóa của cộng đồng dân tộc. Việc sử dụng tên riêng chính danh trong các tầng lớp xã hội, nghề nghiệp, lứa tuổi trong các giai đoạn lịch sử khác nhau cũng có sự khác nhau và có sự biến động theo thời gian. Một số hình thức tên gọi được xem là cách đặt tên truyền thống của người Mnông có xu hướng bị thu hẹp phạm vi sử dụng.

Từ kết quả nghiên cứu đặc điểm tên chính danh của người Mnông qua tư liệu điều tra điền dã và cứ liệu từ 2000 tên chính danh ở hai vùng phương ngữ Mnông, cần thiết phải đề xuất cách viết tên chính danh người Mnông trong tiếng Việt trên cơ sở các mục tiêu, nguyên tắc cũng như các cách viết cụ thể. Dù mục tiêu, nguyên tắc nào thì khi viết tên người Mnông trong tiếng Việt cũng phải được phiên âm và phiên chuyển theo quy tắc chính âm và chính tả của chữ Quốc ngữ.

KẾT LUẬN

Luận án đã mô tả một cách khá đầy đủ về tên chính danh người Mnông từ quan điểm của ngôn ngữ học cấu trúc - chức năng. Kết quả nghiên cứu cho phép rút ra một số kết luận sau:

1. Với tư cách là một đơn vị định danh nên tên chính danh người Mnông được dùng để gọi tên chính của một người trong sự phân biệt với những người khác trong cộng đồng. Tên chính danh được cấu tạo dưới hình thức một tổ hợp định danh, mỗi tổ hợp định danh lại được tạo thành từ các thành tố và danh tố.

Thành tố là yếu tố nhỏ nhất tham gia vào việc cấu tạo nên các danh tố.

Danh tố là đơn vị trực tiếp hay gián tiếp tạo nên các tổ hợp định danh.

Trong tổ hợp định danh tên chính danh người Mnông có ba loại danh tố chúng luôn kết hợp với nhau theo trật tự: [Tên Đệm - Tên Cá nhân - Tên Họ]. Đó cũng là mô hình cấu trúc tổng quát của tên chính danh người Mnông,

2. Dựa vào nguyên tắc định lượng – cấu trúc, nghĩa là dựa vào số lượng xuất hiện của các thành tố và đặc điểm cấu trúc của mỗi tổ hợp định danh mà chúng tôi tiến hành phân loại chính danh người Mnông thành 6 kiểu tên gọi có độ dài từ hai đến bảy thành tố. Tương ứng với sáu kiểu tên gọi đó có 14 khuôn cấu trúc khác nhau.

3. Với tư cách là một đơn vị định danh, tên chính danh người Mnông cũng là đơn vị có nghĩa. Tuy nhiên, khác với ý nghĩa từ vựng của các từ được sử dụng làm ký hiệu cho tên riêng. Chúng tôi gọi đó là ý nghĩa hàm chỉ

4. So với các hiện tượng ngôn ngữ khác, tên chính danh người Mnông là một ký hiệu ngôn ngữ mang tính xã hội rất cao, cụ thể là:

4.1. Tên chính danh người Mnông là hình thức tên gọi chủ yếu, có khả năng tham gia vào các phạm vi giao tiếp khác nhau. Tùy theo những phạm vi, môi trường, trong giao tiếp xã hội.

4.2. Việc sử dụng tên chính danh trong các tầng lớp xã hội, nghề nghiệp, lứa tuổi, trình độ văn hóa,... trong các thời kỳ lịch sử khác nhau cũng có sự khác nhau. Trong tên riêng chính danh người Mnông, trừ *tên họ* ra, các hình thức *tên đệm* và *tên cá nhân* được xem là cách đặt tên truyền thống của người Mnông đang có xu hướng thu hẹp phạm vi. Thay vào đó là những tên gọi có cấu trúc đa dạng hơn về cả nội dung và hình thức.

4.3. Trên cơ sở nghiên cứu đặc điểm cấu tạo, ý nghĩa, cơ sở định danh, cách sử dụng tên chính danh trong một số phạm vi giao tiếp cũng như sự biến đổi của chúng theo thời gian trên tư liệu thực địa và 2.000 tên chính danh người Mnông, luận án đã đề xuất kiến nghị về cách viết tên dân tộc Mnông trong tiếng Việt. Cho dù theo mục tiêu, nguyên tắc nào đi chăng nữa thì khi viết tên chính danh người Mnông trong tiếng Việt cũng phải được phiên âm và phiên chuyển theo quy tắc chính âm và chính tả của chữ Quốc ngữ.

5. Tên người là một đối tượng nghiên cứu đa dạng, phức tạp nhưng cũng rất thú vị. Còn rất nhiều lĩnh vực khác nhau của tên người Mnông hoặc chưa được đề cập tới trong luận án cũng như trong các tài liệu đã được công bố hoặc cần được tiếp tục nghiên cứu, thảo luận để góp phần bảo tồn và phát huy vai trò của ngôn ngữ, văn hóa người Mnông cũng như các dân tộc thiểu số khác vì mục tiêu phát triển bền vững đất nước trong thời kỳ đổi mới, công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế..